

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 279/2024/DS-PT
Ngày: 21-6-2024
V/v “Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn quán

Bà Trần Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 184/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1957;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N – Nguyên đơn.

(Bà N có mặt; bà K vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-7-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Do quen biết nhau nên vào ngày 02-3-2023, bà có cho bà K mượn số tiền 1.000.000 đồng, do tin tưởng và không hiểu biết nên bà chỉ yêu cầu bà K ghi chữ “triệu”. Ngày 04-3-2023, bà cho bà K mượn tiếp số tiền 1.000.000 đồng, bà yêu cầu bà K ghi thêm số “1” bên cạnh chữ “triệu”. Cùng ngày đó bà K mượn thêm của bà số tiền 500.000 đồng, tổng 03 lần mượn số tiền 2.500.000 đồng. Nhiều lần bà yêu cầu bà K trả lại số tiền trên nhưng bà K không thực hiện, Nay bà khởi kiện yêu cầu bà K trả lại tổng số tiền nợ là 2.500.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Vào ngày 02-3-2023 có mượn của bà N số tiền 1.000.000 đồng, đến ngày 04-3-2023 có mượn thêm số tiền 500.000 đồng, tổng cộng là 1.500.000 đồng. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà trả 2.500.000 đồng, bà không đồng ý vì thực tế bà chỉ mượn của bà N 02 lần, tổng số tiền là 1.500.000 đồng nên chỉ đồng ý trả 1.500.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa quyết định:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 469 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị K.

Buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31-01-2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà N trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà N trình bày, vào ngày 02-3-2023, bà có cho bà K mượn số tiền 1.000.000 đồng, bà K ghi chữ “triệu” vào giấy mượn

tiền. Ngày 04-3-2023, bà cho bà K mượn tiếp số tiền 1.000.000 đồng, bà yêu cầu bà K ghi thêm số “1” bên cạnh chữ “triệu”. Cùng ngày đó bà K mượn thêm của bà số tiền 500.000 đồng. Nhưng bà K không thừa nhận, bà K chỉ thừa nhận vào ngày 02-3-2023 có mượn của bà N số tiền 1.000.000 đồng, đến ngày 04-3-2023 có mượn thêm số tiền 500.000 đồng, tổng cộng là 1.500.000 đồng. Xét thấy, qua hai giấy mượn tiền chỉ xác định được số tiền bà K mượn của bà N là 1.500.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả số tiền vay 2.500.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Bà N cho rằng vào ngày 02-3-2023, bà có cho bà K mượn số tiền 1.000.000 đồng, bà K có ghi chữ “triệu” vào giấy mượn tiền; ngày 04-3-2023, bà cho bà K mượn tiếp số tiền 1.000.000 đồng, bà yêu cầu bà K ghi thêm số “1” phía trước chữ “triệu” và cùng ngày đó bà K mượn thêm của bà số tiền 500.000 đồng, tổng cộng là 2.500.000 đồng. Nhưng bà K chỉ thừa nhận vào ngày 02-3-2023 có mượn của bà N số tiền 1.000.000 đồng, đến ngày 04-3-2023 có mượn thêm số tiền 500.000 đồng, tổng cộng là 1.500.000 đồng.

[5] Theo bà N trình bày, vào ngày 02-3-2023, bà có cho bà K mượn số tiền 1.000.000 đồng, bà K có ghi chữ “triệu” vào giấy mượn tiền. Xét thấy, do không có ghi thêm số tự nhiên trước chữ “triệu” nên hoàn toàn không có nghĩa. Hai giấy mượn tiền do bà N cung cấp chỉ có cơ sở xác định số tiền bà K mượn của bà N ngày 02-3-2023 là 1.000.000 đồng; ngày 04-3-2023 là 500.000 đồng, tổng cộng 1.500.000 đồng. Bà N không có chứng cứ chứng minh bà đã cho bà K mượn số tiền tổng cộng là 2.500.000 đồng.

[6] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc bà K có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 1.500.000 đồng là có căn cứ. Bà N kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác nên không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Tuy nhiên, bản án không tuyên về việc không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với việc bà N yêu cầu bà K trả số tiền 1.000.000 đồng là thiếu sót nên cần bổ sung cho đầy đủ.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa;

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 469 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị K.

Buộc bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả số tiền vay 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

